

## Các chương trình và chính sách quốc gia về người cao tuổi

BẾ QUỲNH NGA

Vấn đề người cao tuổi và an sinh tuổi già là mối quan tâm đặc biệt của Nhà nước. Theo quy định của Bộ luật lao động thì người cao tuổi là những người đã hết tuổi lao động, nữ trên 55 và nam trên 60 tuổi. Đảng và chính phủ luôn có những chính sách phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội để giúp người già có cuộc sống ổn định, tiếp tục đóng góp công sức, những kinh nghiệm quý báu cho sự nghiệp cách mạng. Bài viết này là tóm lược cơ bản nội dung các chính sách và chương trình quốc gia chủ yếu đối với người cao tuổi ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay.

### HỆ THỐNG CHÍNH SÁCH VĨ MÔ CƠ BẢN TRỢ GIÚP NGƯỜI CAO TUỔI

Ở Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám đến nay, đã có rất nhiều chính sách liên quan đến người cao tuổi. *Hiến pháp* nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1946 ghi rõ: "Những công dân già cả hoặc tàn tật không làm được việc thì được giúp đỡ". Nội dung này được nhấn mạnh trong các *Hiến pháp* năm 1959 và *Hiến pháp* năm 1980. *Hiến pháp* năm 1992 viết: "Người già, người tàn tật, trẻ mồ côi không nơi nương tựa được nhà nước và xã hội trợ giúp".

Chính sách đối với người cao tuổi còn được đề cập trong các bộ Luật. "Người cao tuổi được ưu tiên trong khám bệnh, chữa bệnh, được tạo điều kiện thuận lợi để đóng góp cho xã hội phù hợp với sức khỏe của mình" (*Luật bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân*).

Bộ *Luật lao động* quy định: "Năm trước khi nghỉ hưu, người lao động cao tuổi được rút ngắn thời giờ làm việc hàng ngày hoặc được áp dụng chế độ làm việc không trọn ngày, không trọn tuần...", và các cơ quan tổ chức sử dụng lao động "có trách nhiệm quan tâm chăm sóc sức khỏe người lao động cao tuổi, không được sử dụng người lao động cao tuổi làm việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với chất độc hại có ảnh hưởng đến sức khỏe người cao tuổi"

Đặc biệt trong *Bộ luật dân sự*, vấn đề chăm sóc người cao tuổi được khẳng định như là một đặc tính của văn hóa dân tộc. Người cao tuổi có "Quyền được hưởng sự chăm sóc, giúp đỡ nhau

phù hợp với truyền thống đạo đức tốt đẹp của gia đình Việt Nam", "con cháu chưa thành niên được hưởng sự chăm sóc của cha mẹ, ông bà. Con cháu có bổn phận kính trọng, chăm sóc và phụng dưỡng cha mẹ ông bà".

Vai trò người cao tuổi trong đời sống gia đình được quy định trong *Luật hôn nhân và gia đình*: "Cha mẹ có nghĩa vụ nuôi dạy con thành những người công dân có ích cho xã hội", "con có nghĩa vụ kính trọng, chăm sóc nuôi dưỡng cha mẹ". Điều 27 của luật này nói rõ "Ông bà có nghĩa vụ nuôi dưỡng, giáo dục cháu chưa thành niên trong trường hợp cháu không còn cha mẹ. Cháu đã thành niên có nghĩa vụ nuôi dưỡng ông bà không còn con...".

### HỘI NGƯỜI CAO TUỔI VIỆT NAM

Ngày 24/9/1994, Thủ tướng Chính phủ đã ra quyết định 523/ TTg cho phép thành lập Hội Người cao tuổi Việt Nam. Ngày 10/5/1995 thành lập Hội Người cao tuổi. Hội Người cao tuổi là một tổ chức xã hội tự nguyện, Hội được tổ chức 2 cấp: cấp trung ương và cấp cơ sở. Trung ương hội có một Ban chấp hành, một Ban thường vụ và một bộ phận thường trực. Các bộ phận này làm tham mưu cho Chính phủ trong công tác đối với người cao tuổi.

Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ số 117-TTg ngày 27/2/1996 về chăm sóc người cao tuổi và hỗ trợ hoạt động cho Hội người cao tuổi Việt Nam đã nêu rõ nhiệm vụ của Ủy ban Nhân dân các cấp phải chỉ đạo các cơ quan chức năng, đơn vị thuộc quyền thường xuyên quan tâm làm tốt công tác người cao tuổi. Chỉ thị nhấn mạnh: "Hàng năm, cần dành một ngân sách để giải quyết các vấn đề xã hội, chăm sóc, bồi dưỡng, phát huy vai trò người cao tuổi và hỗ trợ Hội Người cao tuổi. Đối với Hội Người cao tuổi": "Hội có tư cách pháp nhân, hoạt động theo điều lệ phù hợp với Hiến pháp và pháp luật dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự hỗ trợ của Chính phủ về kinh phí và điều kiện hoạt động".

Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội có trách nhiệm và tạo nguồn lực để đảm đương các nhu cầu của người cao tuổi. Chỉ thị mới đây của Thủ tướng Chính phủ ngày 30/9/1998 về tổ chức hoạt động Năm quốc tế người cao tuổi nhấn mạnh "Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quản lý nhà nước về công tác người cao tuổi".

### CÁC CHƯƠNG TRÌNH TRỢ GIÚP PHÚC LỢI NGƯỜI CAO TUỔI TRONG QUÁ KHỨ VÀ HIỆN TẠI

Trước năm 1994

Ngay từ khi mới thành lập, nhà nước ta đã thành lập Bộ Cứu tế xã hội. Văn bản quan trọng về cứu trợ cho người già cô đơn không nơi nương tựa là Thông tư số 202CP-TT ngày 26-11-1966 của Hội đồng Chính phủ. Thông tư quy định "Đối với những người không còn khả năng lao động thì Ủy ban hành chính cơ sở vận động nhân dân, dựa vào các hợp tác xã để giúp đỡ họ có nơi ăn chốn ở. Nếu những biện pháp trên đây không đủ bảo đảm đời sống cho họ thì Ủy ban hành chính cơ sở đề nghị Nhà nước trợ cấp cứu tế (tùng thời gian hoặc thường xuyên). Riêng đối với những người ở thành phố, thị xã thì có thể thu nhận vào các trại an dưỡng nếu không còn khả năng nào lao động nữa". Về việc chăm sóc sức khỏe cho những người già cả, trẻ mồ côi không nơi nương tựa và những người tàn tật, Thông tư nêu rõ: "... lúc ốm đau Ủy ban hành chính cơ sở dựa vào các hợp tác xã, có trách nhiệm săn sóc, thuốc men cho họ. Nếu ốm nặng thì các bệnh viện, bệnh xá của Nhà nước điều trị cho họ; trong thời gian điều trị, họ được nhà nước trợ cấp các khoản tiền ăn, tiền thuốc, tiền bồi dưỡng theo chế độ chung".

Ngày 12/8/1978, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư 12/ LĐT BXH-TT quy định chế độ trợ cấp đối với người già yếu, tàn tật, trẻ mồ côi không có thân nhân nuôi dưỡng. Văn bản này quy định chế độ cứu trợ thường xuyên cho những người không có nguồn thu nhập.

Chỉ thị 134/CT ngày 11-5-1983 của Hội đồng Bộ trưởng nhấn mạnh đến tình trạng "không ít người có tuổi còn gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống" và giao nhiệm vụ cho Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành có chương trình hoạt động thường xuyên chăm sóc, giúp đỡ người có tuổi.

Nghị định 236 của Hội đồng Bộ trưởng ngày 18-9-1985 quy định: các cụ không có điều kiện sống ở địa phương được nhận vào chăm sóc ở những cơ sở nuôi dưỡng tập trung.

Quyết định số 249-CT ngày 26-9-1983 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng xác định rõ mức phụ cấp hàng tháng bằng 50% số tiền trợ cấp hoặc sinh hoạt phí hàng tháng hiện nay cho những người có công với cách mạng và bố mẹ, vợ (hoặc chồng) của liệt sĩ đã già yếu, không còn nơi nương tựa. Phụ cấp hàng tháng bằng 30% số tiền sinh hoạt phí hàng tháng hiện nay cho người già cô đơn, người tàn tật hoặc bị bệnh tâm thần và trẻ em mồ côi đang được nuôi dưỡng tập trung ở các trại xã hội.

Quyết định số 128-HĐBT quy định: mỗi thâm niên hoạt động cách mạng trước tháng 8/1945 được phụ cấp ưu đãi 20 đồng/ tháng. Cán bộ hoạt động cách mạng trước tháng 8 năm 1945 nhưng lâu nay không có lương, nếu hoạt động từ năm 1935 trở về trước, thì được hưởng sinh hoạt phí 220 đồng/ tháng; nếu hoạt động từ năm 1936

về sau thì được hưởng sinh hoạt phí 160 đồng/tháng. Anh hùng lao động và anh hùng lực lượng vũ trang nghỉ hưu hoặc nghỉ mất sức được hưởng phụ cấp ưu đãi hàng tháng bằng 5% tiền lương và phụ cấp thâm niên.

Theo Nghị định số 236- HĐBT (Hội đồng Bộ trưởng) thì nam công nhân viên chức đủ 60 tuổi (nếu là quân nhân thì đủ 55 tuổi) và có đủ 25 năm công tác thì được hưởng lương hưu. Tùy theo điều kiện lao động và chiến đấu thời gian công tác được quy đổi theo hệ số. Đối với công nhân viên chức làm các nghề nặng nhọc, độc hại hoặc làm việc ở những vùng có nhiều khó khăn gian khổ, có đủ điều kiện về thời gian công tác nhưng chưa có đủ điều kiện về tuổi đời thì cũng được hưởng lương hưu.

### *Từ năm 1994 đến nay*

Trong thời kỳ đổi mới kinh tế, người già cô đơn là đối tượng gặp nhiều khó khăn do các quỹ phúc lợi xã hội giảm đi. Trước tình hình đó, Nhà nước đã có nhiều chính sách bảo trợ đối với nhóm này. Việc chăm sóc nuôi dưỡng người già cô đơn không nơi nương tựa thực hiện tại cộng đồng và các cơ sở xã hội. Kinh phí được Nhà nước cấp thông qua quỹ đảm bảo xã hội. Nguồn quỹ này được tăng lên hàng năm. Năm 1993 là 70 tỷ đồng, năm 1994 là 200 tỷ đồng, năm 1995 là 700 tỷ đồng, năm 1996 là 850 tỷ đồng. Năm 1996 quỹ này chỉ cho nuôi dưỡng chăm sóc đối tượng xã hội là 291.297 triệu đồng, trong đó khoảng 7,8% (22.832 triệu đồng) chỉ cho nuôi dưỡng người già cô đơn không nơi nương tựa.

Chính sách đối với người già cô đơn không nơi nương tựa được quy định trong Quyết định 167 TTg của Thủ tướng Chính phủ (ngày 8/4/1994). Theo quyết định này, các cụ được nuôi dưỡng tại cộng đồng hưởng mức trợ cấp là 24.000 đồng/người/tháng (tương đương 12 kg gạo). Mức sinh hoạt phí nuôi dưỡng tập trung tại trung tâm bảo trợ xã hội được 96.000 đồng/người/tháng, nếu các cụ bị bệnh tâm thần.

Người hoạt động trước Cách mạng tháng Tám được trợ cấp hàng tháng 120.000 đồng. (Nghị định 28/CP ngày 29/4/1995). Ngoài ra, người hoạt động cách mạng thoát ly đang hưởng lương hoặc lương hưu, được phụ cấp hàng tháng tính theo thời gian hoạt động trước cách mạng, cứ mỗi năm được phụ cấp 30.000 đồng. Người hoạt động cách mạng không thoát ly, không có lương hoặc lương hưu, nếu hoạt động cách mạng từ 1935 trở về trước thì được phụ cấp hàng tháng 200.000 đồng. Nếu hoạt động cách mạng từ 1936 đến trước Cách mạng tháng Tám 1945 thì được phụ cấp hàng tháng 150.000 đồng. Những người thuộc diện này được cấp tiền để mua báo Nhân dân hàng ngày, được tổ chức sinh hoạt văn hoá, tinh thần phù hợp. Khi người hoạt động

trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 chết, người tổ chức mai táng được trợ cấp khoản lễ tang, chôn cất là 1.152.000đ. Cha mẹ đẻ, vợ (hoặc chồng), con đẻ bị tật nguyên bẩm sinh hoặc bị tàn tật nặng từ nhỏ, được hưởng tiền tuất hàng tháng mức 72.000đ / người, nếu sống cô đơn thì được hưởng trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng là 240.000đ/người.

Đối với gia đình liệt sỹ thì vợ (hoặc chồng), cha mẹ đẻ, người có công nuôi liệt sỹ, tuổi 55 đối với nam, 50 tuổi đối với nữ hoặc chưa đến tuổi đó nhưng mất khả năng lao động từ 61% trở lên được hưởng tiền tuất hàng tháng là 72.000đ/người. Vợ (hoặc chồng), cha mẹ đẻ có con độc nhất là liệt sỹ, có 2 con mà cả 2 con là liệt sỹ hoặc có 3 con là liệt sỹ trở lên đến tuổi 55 đối với nam, 50 đối với nữ hoặc mất 61% khả năng lao động trở lên được hưởng trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng mức 240.000đ/người.

Bà mẹ Việt Nam anh hùng được hưởng phụ cấp ưu đãi hàng tháng là 72.000đ/người và trợ cấp nuôi dưỡng 240.000đ/người, nếu sống cô đơn không nơi nương tựa được trợ cấp thêm 48.000đ/người. Khi chết thì được cấp tiền lễ tang, chôn cất là 1.152.000đ.

Người cao tuổi là thương binh, bệnh binh, người được hưởng chế độ ưu đãi thương binh, bệnh binh của Đảng và nhà nước được trợ cấp tùy theo mức độ mất sức lao động. Có chế độ phụ cấp cho người phục vụ thương binh, bệnh binh nặng mất sức lao động từ 81%. Chi phí mai táng là 1.152.000đ. Được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở. Khi thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh mất sức lao động từ 61% trở lên chết, nếu không phải là người hưởng chế độ bảo hiểm xã hội thì thân nhân là người cao tuổi được hưởng tiền tuất. Vợ (hoặc chồng), cha, mẹ đẻ, người có công nuôi hợp pháp tuổi 60 đối với nam, 55 đối với nữ được hưởng tiền tuất hàng tháng là 48.000đ/người. Nếu những người kể trên sống cô đơn không nơi nương tựa thì được hưởng trợ cấp hàng tháng mức 84.000đ/người.

Những người hoạt động kháng chiến từ 19 tháng 8 năm 1945 đến 30 tháng 4 năm 1975 (60 tuổi đối với nam, 55 tuổi đối với nữ) thì được hưởng trợ cấp. Tính theo thời gian hoạt động, cứ mỗi năm hoạt động được trợ cấp bằng 2.400đ. Nếu có nguyện vọng trợ cấp một lần thì cứ mỗi năm hoạt động được trợ cấp 120.000đ. Khi chết được cấp tiền lễ tang chôn cất là 1.152.000đ.

Người cao tuổi có công với cách mạng được nhà nước khen thưởng Kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công" hoặc bằng "có công với nước" được trợ cấp hàng tháng 72.000đ / người. Nếu sống cô đơn không nơi nương tựa được hưởng trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng mức 240.000đ/người. Người có công với cách mạng trong kháng chiến được

thưởng "Huân chương kháng chiến" tuổi 55 đối với nam, 50 đối với nữ hoặc chưa đến tuổi đó nhưng mất sức lao động 61% trở lên được trợ cấp hàng tháng 60.000đ/tháng. Nếu sống cô đơn không nơi nương tựa được hưởng trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng là 180.000đ/người. Khi chết được cấp tiền tang lễ, chôn cất 1.152.000đ.

#### CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM XÃ HỘI CHO NGƯỜI CAO TUỔI

Ngay sau khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chính phủ đã có chính sách về bảo hiểm xã hội bảo đảm các quyền lợi của công chức-viên chức trong chính quyền Pháp thuộc tiếp tục làm việc cho chế độ mới. Đó là chính sách trợ cấp hưu trí và trợ cấp tử tuất. Chính phủ quy định mức đóng góp để có nguồn kinh phí cho các chế độ nói trên cho các đối tượng: a) Những người thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội phải nộp từ 6-7% tiền lương được hưởng hàng tháng; b) Cơ quan, đơn vị có người tham gia bảo hiểm xã hội phải trích từ 7-10% tổng quỹ tiền lương để nộp vào quỹ bảo hiểm xã hội.

Thi hành hiến pháp năm 1960, Chính phủ đã ban hành Điều lệ tạm thời về bảo hiểm xã hội đối với cán bộ công nhân viên chức nhà nước (theo Nghị định 218/CP ngày 27-12-1961) quy định chế độ trợ cấp trong đó gồm cả "trợ cấp hưu trí".

Về chế độ trích lập và sử dụng quỹ bảo hiểm xã hội, Chính phủ đã quy định như sau: 1% để chi cho chế độ hưu trí, mất sức lao động và trợ cấp tuất cho công nhân viên từ trần; 3,7% để chi cho các chế độ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, nghỉ mát, dưỡng sức và quản lý quỹ bảo hiểm xã hội. Tháng 3 năm 1988 nâng mức trích quỹ bảo hiểm xã hội thuộc Tổng công đoàn quản lý từ 1% lên 10% tổng quỹ tiền lương.

Từ những năm đầu của thập kỷ 90, Nhà nước chủ trương đổi mới các chính sách bảo đảm xã hội. Chính sách bảo hiểm xã hội được coi là vấn đề then chốt. Để từng bước hình thành quỹ bảo hiểm xã hội độc lập với ngân sách nhà nước và giảm dần bao cấp trong lĩnh vực này, Chính phủ đã ban hành Nghị định 43/CP nhằm: a) quy định 5 chế độ bảo hiểm xã hội; b) Quy định tăng mức đóng góp của người sử dụng lao động vào quỹ bảo hiểm xã hội là 15% tổng quỹ tiền lương; c) Quỹ bảo hiểm xã hội được hạch toán riêng với Ngân sách nhà nước và được nhà nước bảo hộ; d) Chuẩn bị hình thành một tổ chức "bảo hiểm xã hội Việt Nam".

Chính sách bảo hiểm xã hội đã được sửa đổi cơ bản trong Bộ Luật lao động thông qua tại kỳ họp thứ 5 Quốc hội khoá 9 ngày 23-6-1994.

Chính phủ ban hành Điều lệ Bảo hiểm xã hội kèm theo Nghị định số 12-CP ngày 26-1-1995. Điều lệ nhấn mạnh việc thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội đã quy định trong Bộ Luật lao động đối với người lao động. Về chế độ hưu trí, Điều lệ quy định những trường hợp chưa đủ tuổi đời cũng được hưởng lương hưu hàng tháng. Quy định này nhằm giải quyết tình trạng nhiều trường hợp chưa hết tuổi lao động nhưng vì bị suy giảm khả năng lao động không thể tiếp tục làm việc. Những người này, do nghỉ hưu trước tuổi hoặc thời gian đóng bảo hiểm xã hội ngắn (15 năm) nên mức lương hưu hàng tháng không thể bằng đối tượng nghỉ hưu đủ tuổi, thời gian đóng bảo hiểm xã hội 30 năm trở lên.

Người nghỉ hưu nếu có mức lương hưu thấp hơn mức tiền lương tối thiểu (120.000 đồng) thì được điều chỉnh bằng mức lương tối thiểu. Tỷ lệ lương hưu tối thiểu là 45% và tối đa là 75% của mức lương bình quân đóng bảo hiểm xã hội, thấp hơn trước đây quy định tối đa là 95%.

Người cao tuổi nghỉ hưu và người có công với cách mạng được nhà nước mua bảo hiểm y tế. Hai đối tượng trên không phân biệt theo nhóm tuổi được hưởng dịch vụ bảo hiểm y tế cùng một tiêu chuẩn là B6-người về hưu. Người tham gia bảo hiểm y tế được chọn một cơ sở y tế thuận lợi để khám chữa bệnh ban đầu. Khi ốm đau cần phải chuyển viện thì các cơ sở y tế sẽ chỉ định theo đúng tuyến chuyên môn kỹ thuật do Bộ Y tế quy định.

Theo số liệu gần đây nhất, năm 1996 có 1.184.110 người được nhận lương hưu và số tiền chi trả là 3.610.130 triệu VNĐ, con số này năm 1997 là 1.188.952 người và 4.374.809 triệu VNĐ. Trợ cấp hưu trí trong GDP năm 1997 là 0,15% (GDP 1997 = 295696 tỷ VNĐ). Đóng góp hưu trí trong GDP 1997 là 1,2% (năm 1997 thu 3514 tỷ VNĐ). Số người đóng hưu trí tự nhân trong tổng số người đóng bảo hiểm xã hội là 4% (Nguồn: bảo hiểm xã hội Việt Nam).

Tỷ lệ dân số già tham gia bảo hiểm y tế năm 1997 là 3,6%, nếu tính riêng hưu trí mất sức là 2%. Theo thống kê Y tế, dân số Việt Nam 1997 là 76.709,6 người, năm 1997 có 1.593.793 người hưu trí và 1.183.481 người có công với cách mạng tham gia bảo hiểm y tế.

Bảo hiểm y tế Việt Nam được áp dụng bắt đầu từ 1/10/1992. Quỹ bảo hiểm y tế được hình thành bằng nguồn thu từ việc đóng bảo hiểm y tế. Tuy vậy, số lượng người cao tuổi được hưởng dịch vụ y tế còn quá thấp. Theo số liệu của các nghiên cứu về người cao tuổi, đại đa số người cao tuổi sức khỏe kém. 80-90% trong nhóm người già cô đơn không nơi nương tựa sức khỏe kém và hầu hết có thu nhập thấp. Để giải quyết vấn đề trên nhằm trợ giúp những đối tượng khó khăn nói chung và

người cao tuổi nói riêng Chính phủ đã ban hành Nghị định số 95/CP và các thông tư 20/TTLB, Thông tư 27/LĐ-TBXH hướng dẫn việc cấp giấy chứng nhận cho các đối tượng được miễn nộp một phần viện phí.

Ngoài những chính sách văn bản pháp quy của Nhà nước, ở các địa phương tùy theo điều kiện cụ thể, còn tổ chức rất nhiều hình thức chăm sóc giúp đỡ người cao tuổi "sống vui, sống khỏe, sống hữu ích". Hiện nay ở hầu hết các địa phương đều tổ chức các hội, câu lạc bộ cho người cao tuổi như câu lạc bộ dưỡng sinh, câu lạc bộ thơ ca, cờ tướng...nhằm nâng cao đời sống tinh thần và sức khỏe cho người cao tuổi.

## KẾT LUẬN

Trải qua hơn nửa thế kỷ xây dựng và bảo vệ đất nước, Nhà nước ta đã có hàng loạt chính sách nhằm huy động những nguồn lực vật chất và tinh thần to lớn của toàn dân trong sự nghiệp chăm sóc và giúp đỡ người cao tuổi. Các chính sách trên đã làm giảm đi những khó khăn của người cao tuổi, động viên họ tích cực tham gia vào công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Thực tế đó thể hiện truyền thống tốt đẹp của dân tộc, trách nhiệm đối với người cao tuổi của toàn xã hội. Mặc dù chưa tạo thành một văn bản luật pháp riêng và hệ thống, nhưng nội dung các chính sách, nghị định, thông tư của Nhà nước đã tạo nên một môi trường pháp lý hành chính bước đầu cho sự nghiệp chăm sóc người cao tuổi. Đây là điểm quán triệt ngay từ những thời kỳ trứng nước của nhà nước ta và nó càng ngày càng thể hiện rõ rệt hơn trong các giai đoạn phát triển sau này.

Người cao tuổi nước ta hiện nay đang sống trong một bối cảnh đặc biệt so với hơn hai thập kỷ trước đây. Đó là bước quá độ của một đất nước xây dựng trên nền kinh tế tập trung bao cấp chuyển sang nền kinh tế thị trường. Bước chuyển này tạo ra nhiều cơ hội cho sự phát triển nói chung, mặt khác, đối với nhóm người cao tuổi lại đặt ra vô số khó khăn. Dưới tác động của sự biến đổi, các điều kiện thực hiện việc chăm sóc người cao tuổi trở nên khác trước. Trước tình hình đó, việc tạo ra được một cách căn bản môi trường pháp lý cho công tác chăm sóc người cao tuổi đang trở thành vấn đề bức xúc. Môi trường pháp lý đó sẽ là cơ sở đảm bảo chắc chắn cho công tác chăm sóc người cao tuổi. Đặc biệt là ở nông thôn, nơi người cao tuổi chiếm tỷ lệ cao trong tổng số người cao tuổi cả nước, nhưng những điều kiện để chăm sóc và bảo đảm cuộc sống của họ khó khăn hơn so với người cao tuổi thành phố.